

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2025/DS-PT
Ngày: 16-06-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác
và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Võ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Cao Thị Thúy - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Văn P (M), sinh năm 1965. (có mặt)

1.2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Thái Thành C, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1974. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Thái Thành C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị B1 trình bày:

Vào năm 2020 vợ chồng bà Trần Thị B1 và ông Phạm Văn P góp vốn thu mua cam với ông T Thành Công với số tiền 200.000.000đồng. Vợ chồng bà B1 bỏ tiền vốn ra để thu mua cam, thỏa thuận hai bên lời cùng chia, lỗ cùng chịu. Ông C là người bỏ công sức đi thu mua cam từ các vườn và đem cam đi bán. Việc vợ chồng bà bỏ tiền vốn 200.000.000đồng để thu mua cam chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không có giấy tờ gì. Ngày 22/5/2020, bán cam được số tiền 182.460.000đồng. Sau đó, ông C thu mua cam đem về xã P, huyện C bán, tổng số tiền vợ chồng bà đưa cho C là 104.140.000đồng. Ngày 16/6/2021, vợ chồng bà tiếp tục hùn thêm với ông C số tiền 30.000.000đồng. Đến tháng 9 năm 2021 bà B1 đem tiền đưa tận nhà ông C cho ông C vay số tiền 40.000.000đồng, bà B1 đưa số tiền này cho ông C không có giấy tờ gì. Tháng 10 năm 2022, ông C có trả vợ chồng bà số tiền là 20.000.000đồng và đến nay không trả nữa. Sau mỗi chuyến mua bán cam thì cùng ngồi lại chia lợi nhuận. Đến chuyến cuối đem cam đi Hà Nội bán thì bà B1 không rõ bao nhiêu tấn và bao nhiêu tiền vì ông C chỉ nói với bà B1 là thua lỗ, không có giấy tờ gì chứng minh.

Nay bà Trần Thị B1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T Thành Công trả số tiền là 154.140.000đồng, trong đó bao gồm 134.140.000đồng tiền góp vốn và 20.000.000đồng tiền vay, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Văn P trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của vợ là bà Trần Thị B1, không bổ sung gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Thái Thành C trình bày:

Ông có hợp tác hùn vốn thu mua cam với vợ chồng ông Phạm Văn P và bà Trần Thị B1. Vợ chồng bà B1 bỏ tiền vốn ra để thu mua cam, thỏa thuận hai bên lời cùng chia, lỗ cùng chịu. Ông C là người bỏ công sức đi thu mua cam từ các vườn và đem cam đi bán. Việc vợ chồng bà B1 bỏ tiền vốn 200.000.000đồng để thu mua cam chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không có giấy tờ gì. Sau mỗi chuyến mua bán cam thì cùng ngồi lại chia lợi nhuận. Đến chuyến cuối đem cam đi Hà Nội khoảng 10 xe tải đem ra Hà Nội bán khoảng 60 tấn đến 70 tấn nhưng bị thua lỗ do không bán được. Những lần ông P, bà B1 đưa tiền không có làm giấy tờ gì, khi ông đi thu mua, bán cam và hợp đồng vận chuyển đều có giấy tờ nhưng lâu quá nên lạc mất. Số tiền 40.000.000đồng là tiền hùn vốn thu mua cam chứ không phải tiền ông C vay mượn riêng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông trả số tiền 154.140.000đồng thì ông không đồng ý do khi mua bán cam bị lỗ nên yêu cầu chia đôi, ông C chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 77.000.000đồng

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bị đơn Thái Thành C. Bà có nghe nói việc nguyên đơn xuất ra 200.000.000đồng để hùn vốn với ông C thu mua cam, bán có lợi nhuận thì chia hai. Sự việc cụ thể thế nào thì bà không rõ, ông C cũng không đem lợi nhuận về cho gia đình. Đối với số tiền vay 40.000.000đồng thì bà không rõ. Nếu như ông C trả tiền cho nguyên đơn thì bà cũng đồng ý cùng ông C trả số tiền này cho nguyên đơn, đây là sự tự nguyện của bà Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 154.140.000đồng, trong đó bao gồm 134.140.000đồng tiền hợp tác thu mua cam và 20.000.000đồng tiền vay.

2. Buộc bị đơn ông Thái Thành C, bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn P, bà Trần Thị B1 số tiền 154.140.000đồng, trong đó bao gồm 134.140.000đồng tiền hợp tác thu mua cam và 20.000.000đồng tiền vay, không tính lãi.

3. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị yêu cầu thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, bị đơn ông Thái Thành C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông T Thành Công được trả cho ông Phạm Văn P và bà Trần Thị B1 phân nửa phần tiền ông, bà hùn mua bán cam lỗ là $134.140.000 \text{ đồng} / 2 = 67.070.000 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng}$ (nợ tiền mượn). Tổng cộng là 87.070.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, tuy nhiên chấp nhận giảm cho bị đơn 10.000.000đồng coi như cam bị lỗ, yêu cầu bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hùn bán cam là 124.140.000đồng. Việc bị đơn mua cam đợt cuối tự ý mang đi nơi khác bán không có sự thống nhất của nguyên đơn và cũng không cung cấp được hóa đơn chứng từ mua bán thì bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với phần này. Đối với phần vay nợ bị đơn đã tự nguyện trả 20.000.000đồng nguyên đơn thống nhất.

Bị đơn trình bày mua cam tịa vườn là 6.000đồng/1kg khi bán cũng chỉ được 6000đồng nên lỗ công, lỗ các chi phí vận chuyển và hao hụt. Do đó, khi mua cam

xong bán lại thu hồi vốn được khoảng trên 10.000.000đồng. Nguyên đơn yêu cầu trả 124.140.000đồng bị đơn không có khả năng. Đối với khoản tiền vay ông đồng ý trả lại 20.000.000đồng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn trả số tiền 144.140.000đồng cho nguyên đơn, trong đó bao gồm 124.140.000đồng tiền hợp tác thu mua cam và 20.000.000đồng tiền vay. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Thái Thành C có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông T Thành Công chỉ đồng ý trả cho ông P bà B1 số tiền hùn mua cam là 67.070.000đồng đồng và tiền vay 20.000.000đồng tổng cộng 87.070.000đồng Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông C đều thừa nhận có việc hùn hạp để mua cam chung với ông P, bà B1. Số tiền các bên đều thống nhất ông P đã đưa cho ông C tổng cộng số tiền là 154.140.000đồng, trong đó có 134.140.000đồng là tiền mua cam, và 20.000.000đồng tiền vay. Ông C thừa nhận các bên thống nhất người hùn tiền người hùn công, lời ăn, lỗ chịu. Tuy nhiên, những lần hùn trước, khi mua bán cam ông C đều cung cấp hóa đơn chứng từ mua bán để chứng minh có việc mua bán, nhưng đối với đợt mua cam lần này, ông C xác định có hóa đơn chứng từ nhưng đã làm thất lạc. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C xác định mua cam 6000đồng/kg và bán lại cũng được khoảng 6.000đồng/kg nên lỗ do hao hụt, hư hỏng và công vận chuyển. Xét về giá mua và giá bán như bị đơn trình bày thì không thể lỗ số tiền lớn như bị đơn đã trình bày. Do đó, không có cơ sở để xem xét chấp nhận kháng cáo của ông. Cấp sơ thẩm buộc ông phải có trách nhiệm trả tiền cho ông P bà B1 đối với số tiền ông đã thừa nhận là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định coi như nguyên đơn chịu lỗ tiền cam là 10.000.000đồng, yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền hùn mua cam là

124.140.000đồng và 20.000.000đồng tiền vay. Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 144.140.000đồng. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[2.2] Đối với bà Nguyễn Thị Q mặc dù nguyên đơn không yêu cầu bà Q trả tiền nhưng quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm bà Q xác định có biết việc ông C hợp tác mua cam với ông P bà B1 và bà đồng ý cùng ông C trả tiền cho ông P bà B1. Do đó cấp sơ thẩm đã buộc ông C và bà Q cùng trả tiền cho ông P bà B1. Sau khi bản án tuyên trách nhiệm bà cùng ông C phải trả tiền cho ông P bà B1, bà Q cũng không kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q vẫn đồng ý cùng ông C thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông C bà B1. Do đó, Hội đồng xét xử giữ ghi nhận.

[3]. Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn ông T Thành Công được chấp nhận xem xét chấp nhận một phần.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn kháng cáo, nguyên đơn giảm cho bị đơn 10.000.000đồng nên được xem chấp nhận một phần, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, do đó bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 468, Điều 504, Điều

Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Thái Thành C.

Sửa bản án sơ thẩm số 144/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Thái Thành C;

2. Buộc bị đơn ông Thái Thành C và ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Q cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn P, bà Trần Thị B1 số tiền 144.140.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó bao gồm 124.140.000đồng (một trăm hai mươi bốn triệu một

trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền hợp tác thu mua cam và 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền vay.

3. Kể từ ngày nguyên đơn quyền yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Thái Thành C, bà Nguyễn Thị Q phải chịu là 7.207.000đồng (Bảy triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng). Ông Phạm Văn P, bà Trần Thị B1 được nhậ lại 3.853.500đồng (Ba triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí đã nộp số 003282 ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Thái Thành C không phải chịu. Ông C được nhận lại 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông C đã nộp theo biên lai thu số 0003456 ngày 11/12/2024 tại Chicục thi hành án huyện C, tỉnh Hậu Giang.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16/6/2025).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phụng – Phạm Tiến Dũng

Mạc Thị Chiên

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên